

**MỤC LỤC**

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ	4
CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU	5
NỘI DUNG	6
1 CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	7
2 THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	7
2.1 Các thông tin cơ bản	7
2.2 Thời gian và địa điểm cung cấp bản Công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá	8
2.2.1 Thời gian, địa điểm cung cấp bản Công bố thông tin và hồ sơ đấu giá	8
2.2.2 Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc.....	8
2.2.3 Thời gian tổ chức đấu giá	9
2.2.4 Địa điểm tổ chức đấu giá	9
2.2.5 Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quyền mua hoặc nhận lại tiền đặt cọc theo kết quả đấu giá.....	9
3 CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	9
3.1 Tổ chức phát hành.....	9
3.2 Tổ chức tư vấn	9
4 NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
4.1 Tổ chức phát hành.....	10
4.2 Tổ chức tư vấn	10
5 ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
6 THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH BẮC NINH	11
6.1 Thông tin chung.....	11
6.2 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	11
6.3 Cơ cấu tổ chức	11
6.3.1 Đại hội đồng cổ đông	12



6.3.2	Hội đồng quản trị	12
6.3.3	Ban Giám đốc	12
6.4	Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2008.....	13
6.4.1	Danh sách cổ đông theo tính chất sở hữu	13
6.4.2	Danh sách cổ đông sáng lập	13
6.5	Chính sách đối với người lao động	14
6.5.1	Số lượng lao động trong công ty.....	14
6.5.2	Công tác thi đua khen thưởng	14
6.6	Danh sách những công ty mẹ và công ty con (không có).....	14
7	HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 3 NĂM TRƯỚC KHI THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN.....	14
7.1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
7.1.1	Về doanh thu	14
7.1.2	Chi phí sản xuất và những yếu tố tác động	19
7.1.3	Các tài sản quan trọng của công ty	22
7.1.4	Các thuận lợi và khó khăn cơ bản.....	22
7.2	Tình hình tài chính	23
7.2.1	Tài sản và nguồn vốn của Doanh nghiệp	23
7.2.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Doanh nghiệp.....	24
8	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	26
8.1	Định hướng phát triển	26
8.2	Kế hoạch kinh doanh chi tiết năm 2009	26
8.3	Biện pháp thực hiện	27
8.3.1	Về nguồn vốn.....	27
8.3.2	Về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh	27
9	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	27
9.1	Rủi ro biến động kinh tế	27
9.2	Rủi ro pháp luật.....	27



9.3	Rủi ro về cạnh tranh	28
9.4	Rủi ro của đợt bán đấu giá cổ phần	28
9.5	Rủi ro khác	28



GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ

Cổ phần bán đấu giá	Là cổ phần nhà nước tại Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh do Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC đại diện nắm giữ.
Ban đấu giá	Là ban được thành lập để thực hiện bán đấu giá phần vốn của SCIC nắm giữ tại Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh, bao gồm đại diện của SCIC, Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital và đại diện của Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh.
Điều lệ công ty	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	Cán bộ, công nhân viên
CMND	Chứng minh nhân dân
CTHĐQT	Chủ tịch hội đồng quản trị
Công ty	Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh
DT	Doanh thu
HĐQT	Hội đồng quản trị
SCIC	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
TSCĐ	Tài sản cố định
TVHĐQT	Thành viên Hội đồng quản trị
UBND	Ủy ban nhân dân
VCSH	Vốn chủ sở hữu
QĐ	Quyết định

**DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU**

TT	Tên bảng	Trang
Bảng 1	Cơ cấu lao động theo trình độ	14
Bảng 2	Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh	15
Bảng 3	Thông tin chi tiết về doanh thu	18
Bảng 4	Cơ cấu chi phí và tỷ trọng so với tổng doanh thu	19
Bảng 5	Chi phí sản xuất theo yếu tố	21
Bảng 6	Tổng hợp tình hình tài sản nguồn vốn giai đoạn 2006-6/2009	23
Bảng 7	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2006-6/2009	24
Bảng 8	Kế hoạch kinh doanh 2009-2011	26
Bảng 9	Kế hoạch kinh doanh chi tiết 2009	26



NỘI DUNG

----- * -----

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẦU GIÁ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH BẮC NINH**



1 CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

Căn cứ Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;

Căn cứ vào Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;

Căn cứ vào Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ;

Căn cứ vào Quyết định số 547/QĐ-ĐTKDV ngày 19/10/2009 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) về việc bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh;

Căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ Tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần số 036/2009/HĐTV/ECC-SCIC ký ngày 24/4/2009 ký giữa SCIC và Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital và Phụ lục I đính kèm Hợp đồng tư vấn trên về việc thực hiện bán đấu giá cổ phần Nhà nước nắm giữ tại Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh.

2 THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

2.1 Các thông tin cơ bản

Tên tổ chức chào bán	:	Công ty cổ phần xe khách Bắc Ninh
Trụ sở chính	:	Số 2, Đường Ngô Gia Tự, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại	:	0241.3823.560
Vốn điều lệ	:	1.978.000.000 đồng
Mệnh giá cổ phần	:	100.000 đồng
Tổng số lượng cổ phần	:	19.780 cổ phần
Số lượng cổ phần chào bán	:	3.557 cổ phần
Loại cổ phần chào bán	:	Phổ thông
Hình thức chào bán	:	Chào bán phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần



	thông qua hình thức đấu giá cạnh tranh
Giới hạn khối lượng đăng ký	: Mỗi người đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán
<i>Tổng số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được phép mua</i>	<i>3.557 cổ phần</i>
Giá khởi điểm bán đấu giá	: 150.000 đồng
Giới hạn mức giá đặt mua	: Mỗi người đầu tư được phép ghi tối đa 01 mức giá
Bước giá	: 1000 đồng

2.2 Thời gian và địa điểm cung cấp bản Công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá

2.2.1 Thời gian, địa điểm cung cấp bản Công bố thông tin và hồ sơ đấu giá

Từ ngày 23 tháng 10 năm 2009 tại các địa điểm như quy định tại **Mục 5** Bản công bố thông tin này

2.2.2 Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc

Đăng ký tham gia đấu giá

Thời gian:

Từ ngày 02 tháng 11 năm 2009 đến ngày 06 tháng 11 năm 2009

Địa điểm:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital:

Tầng 2, Toà nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh:

Số 2, Đường Ngô Gia Tự, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Nộp tiền đặt cọc

Thời gian:

Từ ngày 02 tháng 11 năm 2009 đến ngày 06 tháng 11 năm 2009

Địa điểm:

Nộp trực tiếp:

Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital:

Tầng 2, Toà nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh:**

Số 2, Đường Ngô Gia Tự, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Chuyển khoản:

Nhà đầu tư có thể nộp tiền cọc bằng chuyển khoản cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital theo tài khoản 12310000162668 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quang Trung. Nội dung nộp tiền: Đặt cọc mua cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh.

2.2.3 Thời gian tổ chức đấu giá

14 giờ 00 phút Thứ tư ngày 11 tháng 11 năm 2009.

2.2.4 Địa điểm tổ chức đấu giá

Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh

Địa chỉ: Số 2, Đường Ngô Gia Tự, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

2.2.5 Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quyền mua hoặc nhận lại tiền đặt cọc theo kết quả đấu giá

Từ thứ hai ngày 16 tháng 11 năm 2009 đến thứ sáu ngày 27 tháng 11 năm 2009

3 CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ**3.1 Tổ chức phát hành****CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 2, Đường Ngô Gia Tự, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: (84) 0241.3823560 Fax: (84) 0241.3824232

3.2 Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL**

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84) 04 3 514 4444 Fax: (84) 04 3 514 8947



4 NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

4.1 Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Văn Mùi

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT – Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Như Kỳ

Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty trước khi quyết định đăng ký tham gia đấu giá.

4.2 Tổ chức tư vấn

Bà Lê Thị Thu Hiền

Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc

Bản Công bố thông tin này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần số 036/2009/HĐTV/ECC-SCIC ngày 24/4/2009 giữa Tổng công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital về việc tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần. Chúng tôi đảm bảo rằng việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh cung cấp.

5 ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3 514 4444

Fax: 04. 3 514 8947

Email: contact@eurocapital.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 2, Đường Ngô Gia Tự, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 0241.3823560

Fax: 0241.3824232

**6 THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH BẮC NINH****6.1 Thông tin chung**

Công ty cổ phần xe khách Bắc Ninh tiền thân là công ty vận tải đường bộ Bắc Ninh, được chuyển thành Công ty cổ phần theo quyết định số 13/1998/QĐ-UB ngày 28 tháng 1 năm 1999.

- ❖ Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH BẮC NINH.
- ❖ Địa chỉ: Số 2, Đường Ngô Gia Tự, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- ❖ Điện thoại: 0241.3823560 fax: 0241.3824232
- ❖ Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đăng Yên - Chức vụ: Giám đốc
- ❖ Ngành nghề kinh doanh (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055655 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25 tháng 3 năm 2003) ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
 - Vận tải hành khách;
 - Vận tải hàng hóa;
 - Sửa chữa cải tạo phục hồi các loại xe ô tô;
 - Đóng mới vỏ xe các loại;
 - Dịch vụ các loại phụ tùng xe ô tô;
 - Kinh doanh xăng dầu, mỡ;
 - Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.

6.2 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách, kinh doanh xăng dầu, sửa chữa ô tô, trong đó doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động vận tải hành khách và kinh doanh xăng dầu.

6.3 Cơ cấu tổ chức

Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 19 tháng 11 năm 2005 và điều lệ Công ty. Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội



đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

6.3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty
- Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm
- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần
- Mức cổ tức hàng năm
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
- Và các vấn đề quan trọng khác theo quy định trong Điều lệ Công ty

6.3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

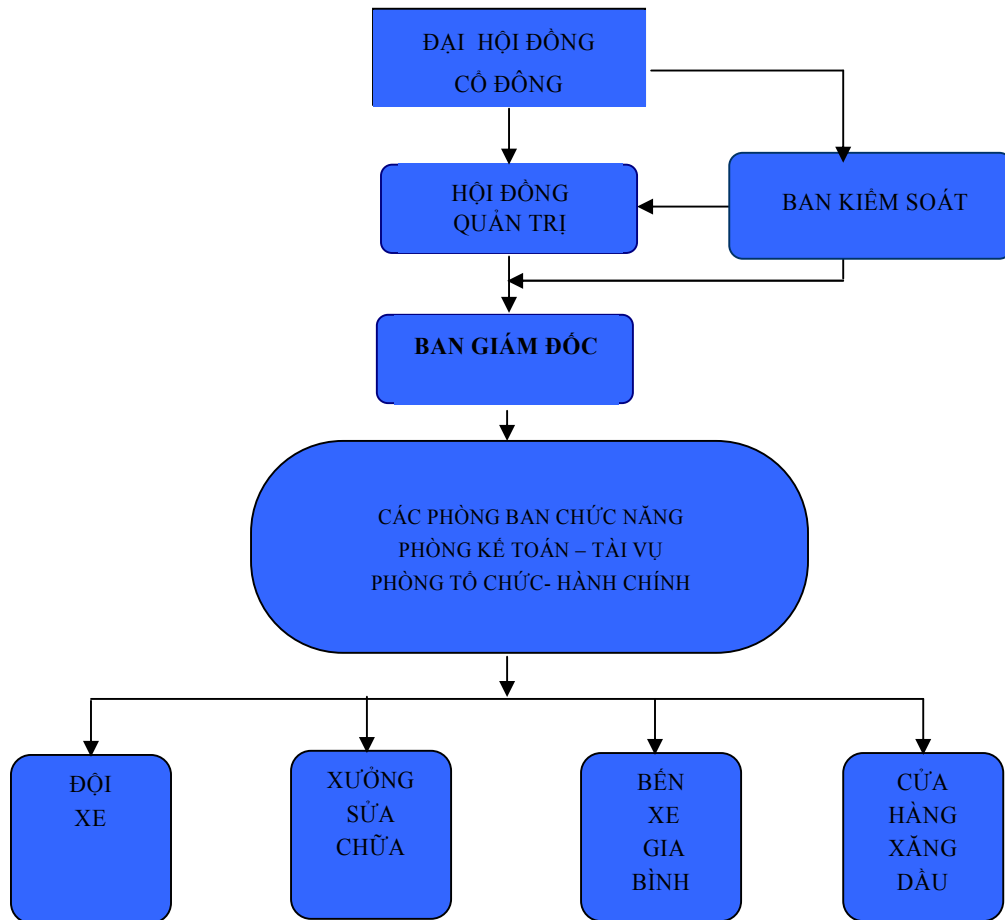
Hội đồng quản trị công ty bao gồm 5 đến 7 thành viên, nhiệm kỳ hội đồng quản trị là 3 năm. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

6.3.3 Ban Giám đốc

Ban giám đốc là cơ quan điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Quyền và nhiệm vụ của Ban giám đốc được quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

**6.4 Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2008****6.4.1 Danh sách cổ đông theo tính chất sở hữu**

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	11.857	59,95%
Cổ đông trong và ngoài Công ty	7.923	40,05%
TỔNG CỘNG	19.780	100%

6.4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Tên	Chức danh	Số cổ phần	Ghi chú
Nguyễn Văn Mùi	CTHĐQT	12.031	Trong đó quản lý phần vốn nhà nước là 11.857 cp.
Đỗ Đăng Yên	TVHĐQT	180	
Trần Sỹ Tráng		135	
Nguyễn Hữu Chung		135	
Nguyễn Ngọc Luyến	TVHĐQT	150	

**6.5 Chính sách đối với người lao động****6.5.1 Số lượng lao động trong công ty**

Tổng số lao động trong công ty tính đến ngày 31/12/2008 là 112 người, trong đó, cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

Bảng 01: Cơ cấu lao động theo trình độ

STT	Trình độ	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
1	Đại học	07	6,3%
2	Cao đẳng	03	2,7%
3	Trung cấp	04	3,6%
4	Công nhân	98	87,4%
	Tổng số	112	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần xe khách Bắc Ninh)

Công ty luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ về lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động theo quy định của pháp luật. Thu nhập bình quân mỗi lao động trong năm 2008 đạt 2.000.000 đồng/người/tháng.

6.5.2 Công tác thi đua khen thưởng

Các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm luôn được tổ chức thường xuyên và được toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty tích cực tham gia.

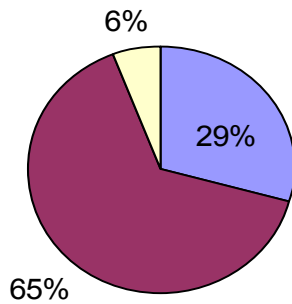
6.6 Danh sách những công ty mẹ và công ty con (không có)**7 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 3 NĂM TRƯỚC KHI THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN****7.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh****7.1.1 Về doanh thu**

Công ty cổ phần xe khách Bắc Ninh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước đã đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 1999 với mức vốn điều lệ là 1,978 tỷ đồng. Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: vận tải hành khách, kinh doanh xăng dầu, mỡ, sửa chữa cải tạo phục hồi xe ô tô, dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.

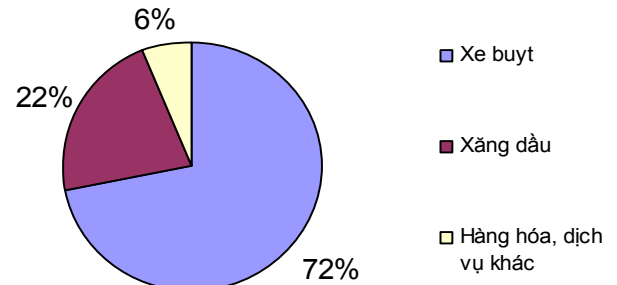
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách, kinh doanh xăng dầu, sửa chữa ô tô, trong đó doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động vận tải hành khách và kinh doanh xăng dầu.



Cơ cấu doanh thu năm 2008



Cơ cấu lợi nhuận gộp 2008



Về doanh thu, doanh thu xăng dầu chiếm 65% tổng doanh thu của công ty trong năm 2008, kinh doanh xe buýt mang lại doanh thu chiếm 29% doanh thu của công ty, còn lại 6% doanh thu thuộc về lĩnh vực kinh doanh khác, bao gồm sửa chữa xe, cho thuê bến bãi..

Bảng 2: Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	N.2006	N.2007	N.2008	6T-2009
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.024.281.245	35.234.413.041	51.091.702.855	20.652.522.866
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.024.281.245	35.234.413.041	51.091.702.855	20.652.522.866
Giá vốn hàng bán	27.249.778.658	32.529.567.610	48.096.379.445	19.088.815.376
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.774.502.587	2.704.845.431	2.995.323.410	1.563.707.490
Doanh thu hoạt động tài chính	141.225.595	185.449.910	180.704.482	44.668.501
Chi phí tài chính	1.465.477.486	1.309.103.883	1.380.032.349	533.135.094
Chi phí bán hàng	157.171.300	166.689.210	190.201.400	132.367.200
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.197.468.940	1.342.846.476	1.517.640.410	894.276.872
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	95.610.456	71.655.772	88.153.733	48.596.825
Thu nhập khác	715.702.809	784.266.389	780.076.230	460.500.705
Chi phí khác	616.667.311	671.458.422	658.922.742	420.040.437
Lợi nhuận khác	99.035.498	112.807.967	121.153.488	40.460.268
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	194.645.954	184.463.739	209.307.221	89.057.093
Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.500.000	51.649.847	49.699.723	17.455.228
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	140.145.954	132.813.892	159.607.498	71.601.865

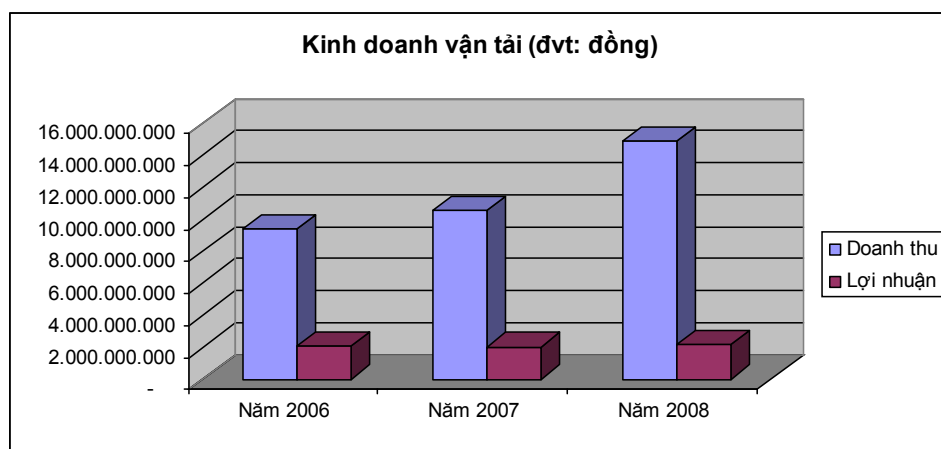
Nguồn: Báo cáo tài chính - Công ty cổ phần xe khách Bắc Ninh



Lĩnh vực mang lại lợi nhuận gộp lớn nhất cho công ty là lĩnh vực kinh doanh xe buýt (chiếm 72%), lĩnh vực xăng dầu mang lại 22% lợi nhuận và các lĩnh vực khác mang lại 6%. Tuy nhiên cũng cần chú ý, phần lãi vay được công ty hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính, vốn vay chủ yếu phục vụ cho kinh doanh vận tải, do vậy mảng kinh doanh vận tải của công ty nếu hoạt động độc lập sẽ không hiệu quả.

Như vậy, có thể thấy hoạt động kinh doanh vận tải vẫn là hoạt động chủ đạo của công ty. Bên cạnh đó, kinh doanh xăng dầu cũng là mảng kinh doanh quan trọng, hỗ trợ rất tốt cho hoạt động kinh doanh vận tải.

❖ *Về kinh doanh vận tải*



Giai đoạn trước năm 2006 kinh doanh vận tải hành khách của công ty khó khăn do vị trí địa lý của tỉnh Bắc Ninh nhỏ hẹp có nhiều tuyến xe khách chạy qua nên công ty không thể cạnh tranh được. Đồng thời cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty có phần yếu kém, phương tiện vận tải cũ kỹ lạc hậu nên một số công nhân lái xe đã phải bỏ xe trả tuyến công ty và xin nghỉ việc hoặc chuyển công tác khác.

Giai đoạn từ năm 2006 đến nay, doanh thu vận tải của công ty đã có bước tăng trưởng mạnh mẽ, năm 2007 tăng 12% so với năm trước, năm 2008 đã tăng được 41% (mức tăng trưởng này cũng một phần nhờ giá cước vận tải tăng đột biến do lạm phát). Nhưng bên cạnh đó, do chi phí giá vốn cũng tăng mạnh làm cho lợi nhuận gộp của kinh vận tải không có được tốc độ tăng tương ứng.

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số đầu xe của công ty là 56 xe, trong đó có 36 xe buýt và 20 xe tuyến (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*). Tổng giá trị theo nguyên giá của đội xe lên tới gần 30 tỷ đồng, đã khấu hao được 50%, đây là một lợi thế rất lớn cho công ty so với các đối thủ cạnh tranh do thời gian gần đây giá xe có xu hướng tăng do lạm phát và do tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đô la tăng mạnh.



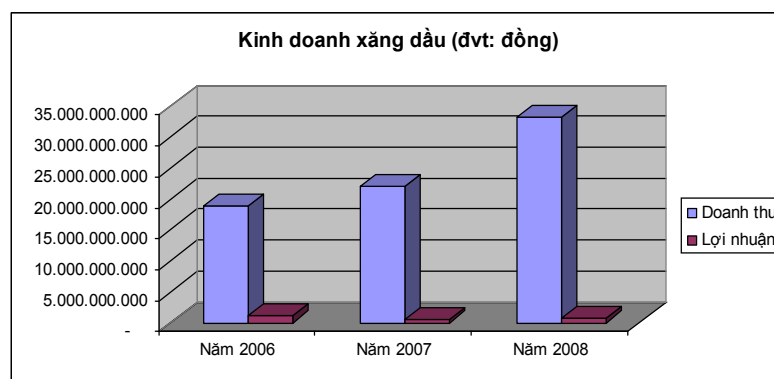
Trong giai đoạn từ 2006 đến nay, Công ty đã được tỉnh Bắc Ninh giao nhiệm vụ khai thác các tuyến xe Buýt nội tỉnh để phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân. Đối tượng phục vụ chủ yếu là cán bộ, sinh viên, học sinh có mức thu nhập thấp để đi học đi làm bằng xe Buýt trên các tuyến: Thành phố Bắc Ninh – Lương Tài, thành phố Bắc Ninh – Sao Đỏ, thành phố Bắc Ninh – Yên Phong... Các tuyến xe Buýt này được tỉnh Bắc Ninh trợ giá cước cho nhân dân. Trong 03 năm vừa qua, công ty đã đầu tư trên 20 tỷ đồng để mua 32 xe Buýt đảm bảo chất lượng phục vụ nhân dân. Hoạt động này đã giải quyết được công ăn việc làm cho CBCNV, mặc dù không mang lại lợi nhuận cao nhưng lại là công việc chính của doanh nghiệp hiện nay.

Về vận tải hành khách trên các tuyến cố định. Hiện nay công ty khai thác các tuyến xe khách sau: Bắc Ninh – Tp. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh – Nam Định, Bắc Ninh – Thái Nguyên, Bắc Ninh – Lạng Sơn. Các tuyến xe này công ty đã thực hiện việc chuyển giao vốn cho lái xe hoặc theo phương thức góp vốn liên doanh để khai thác. Công ty chỉ làm dịch vụ mở tuyến thu nộp thuế Nhà nước và thu quản lý phí nên lợi nhuận từ vận tải trên các tuyến cố định cũng đạt được thấp.

❖ *Về kinh doanh xăng dầu*

Công ty có một cửa hàng xăng dầu có diện tích sử dụng hơn 500 m² gồm 4 cột bơm được đặt trong khu vực công ty phía giáp đường 1A (cũ). Cửa hàng này được xây dựng và hoạt động từ tháng 6/2000. Ngoài việc cung cấp xăng dầu cho số xe của công ty, trạm xăng còn bán ra bên ngoài để phục vụ nhu cầu của nhân dân và tăng doanh thu cho công ty.

Nhờ có vị trí thuận lợi, sản lượng xăng dầu bán ra từ năm 2006 đến 2008 đã đạt mức trên 2 triệu lít/năm và đã giải quyết được 07 lao động có việc làm ổn định.



Tuy nhiên, khả năng phát triển của hoạt động kinh doanh xăng dầu là không cao, do việc xin cấp phép để mở thêm các điểm kinh doanh xăng dầu hiện nay là rất khó, ngoài ra, những tiêu chuẩn liên quan đến an toàn kinh doanh vật liệu cháy nổ cũng rất phức tạp.

❖ *Các dịch vụ khác:*

- Dịch vụ sửa chữa, cải tạo xe ô tô

Do cơ sở vật chất và trình độ lao động còn hạn chế nên xưởng sửa chữa mới chỉ đáp ứng được một phần công việc sửa chữa bảo dưỡng xe để phục vụ cho công tác vận tải của công ty. Ngoài ra cũng nhận thêm việc làm bên ngoài để tăng thêm việc làm và thu nhập cho công nhân với số lượng 05 người. Công ty thực hiện việc khoán quỹ lương cho xưởng để tự lo thu nhập và đời sống công nhân. Hoạt động này cũng chưa có lợi nhuận cho công ty.

- Dịch vụ bến xe

Công ty được tỉnh Bắc Ninh giao cho 5400m² đất tại thị trấn Gia Bình huyện Gia Bình để làm bến xe cấp huyện kể từ năm 2005. Công ty đã thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng nhà chờ, đổ sân bãi bằng bê tông với diện tích 2000m². Đến nay do nhu cầu vận tải ở các huyện phía nam sông Đuống chưa cao nên bến xe này chưa thể khai thác được. Công ty chỉ sử dụng cho việc thuê sân bãi để đào tạo lái xe mô tô và làm bãi đỗ xe Buýt của công ty khi hết hành trình về nghỉ qua đêm và đến nay, dịch vụ bến bãi cũng chưa mang lại lợi nhuận.

Bảng 3: Thông tin chi tiết về doanh thu

Chỉ tiêu	ĐVT	N.2006	N.2007	N.2008
Vốn điều lệ	tỷ đồng	1.978	1.978	1.978
Vốn Nhà nước	tỷ đồng	1.1857	1.1857	1.1857
Tổng số lao động	người	104	104	112
Tổng số xe	xe	41	44	51
<i>Trong đó</i>				
<i>Xe công ty</i>	xe	28	27	33
<i>Xe liên doanh</i>	xe	13	17	18
Sản lượng vận chuyển	người	1,436,564	1,592,549	2,491,678
Sản lượng luân chuyển	ng/km	52,269,786	56,023,229	72,855,905
Tổng doanh thu	đồng	29,290,362,929	35,234,413,041	51,091,702,855
<i>Trong đó</i>				
<i>Doanh thu vận tải</i>	đồng	11,093,128,684	13,278,966,931	17,909,807,000
<i>Doanh thu dịch vụ xăng dầu</i>	đồng	18,897,237,245	21,955,416,110	33,181,895,855
Nguồn: Báo cáo ngày 28/06/09 - Công ty cổ phần xe khách Bắc Ninh				



7.1.2 Chi phí sản xuất và những yếu tố tác động

Bảng 4: Cơ cấu chi phí và tỷ trọng so với tổng doanh thu

CHỈ TIÊU	2006		2007		2008	
	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>% Doanh thu</i>	<i>Giá trị</i>	<i>% Doanh thu</i>	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>% Doanh thu</i>
Giá vốn hàng bán	27,215,860,342	92,9%	32,529,567,610	92,6%	48,096,379,445	94,1%
Chi phí bán hàng	157,171,300	0,54%	166,689,210	0,47%	190,201,400	0,37%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,197,468,940	4,1%	1,342,846,476	3,8%	1,517,640,410	3 %
Chi phí tài chính	1,465,477,486	5%	1,309,103,883	3,7%	1,380,032,349	2,7 %
Chi phí khác	616,667,311	2,1%	671,458,422	1,9%	658,922,742	1,3 %
Tổng	30,652,645,379		35,919,665,601		51,843,176,346	

(Nguồn: Báo cáo tài chính- Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh)

❖ *Giá vốn hàng bán*

Giá vốn hàng bán năm 2008 chiếm tới 94,1% doanh thu và chiếm 92,77% tổng chi phí của doanh nghiệp. Qua số liệu 3 năm cho thấy tỷ trọng giá vốn hàng bán trong tổng doanh thu luôn đảm bảo ổn định ở mức từ 92,6% đến 94,1%. Đây là một điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc ổn định giá thành sản xuất và giá cả sản phẩm trên thị trường.

Giá vốn hàng bán là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất và gần như là chủ yếu trong tổng chi phí của doanh nghiệp. Biến động của khoản mục này ảnh hưởng trực tiếp và mạnh nhất đến giá bán sản phẩm và lợi nhuận của Công ty. Năm 2008 tỷ trọng giá vốn hàng bán tăng 76,7% so với năm 2006 nhưng tỷ trọng của nó so với doanh thu vẫn đảm bảo ở mức bình quân. Giá vốn hàng bán chịu ảnh hưởng trực tiếp của những biến động về giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

❖ *Chi phí bán hàng*

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm.... Chi phí bán hàng trong 3 năm 2006, 2007, 2008 so với tổng doanh thu đều



ở mức thấp (0,37% đến 0,54%). Chi phí bán hàng qua các năm có tăng nhưng không nhiều và tỷ trọng của nó so với doanh thu có xu hướng giảm. Đây có thể coi là một dấu hiệu tốt trong công tác quản lý chi phí bán hàng của Công ty.

Chi phí bán hàng chiếm một tỷ trọng không lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy những biến động nhỏ trong chi phí bán hàng có ảnh hưởng không lớn tới tổng chi phí cũng như giá thành sản phẩm. Vì vậy, tác động của khoản mục chi phí này đến tổng doanh thu và lợi nhuận là không lớn.

❖ *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến việc tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp gồm có: Chi phí quản lý hành chính và chi phí quản trị kinh doanh. Chi phí quản lý doanh nghiệp qua các năm có xu hướng tăng. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2008 tăng 13% so với năm 2007 và tỷ trọng so với doanh thu vẫn ổn định. Tốc độ tăng của doanh thu nhanh hơn so với tốc độ tăng của chi phí quản lý doanh nghiệp nên tỷ trọng của chi phí so với doanh thu qua các năm vẫn có xu hướng giảm. Điều đó chứng tỏ tính hiệu quả trong hoạt động điều hành và quản lý của Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những biến động của khoản mục này tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty không nhiều.

❖ *Chi phí hoạt động tài chính*

Chi phí tài chính là những khoản chi phí hoặc khoản lỗ phát sinh từ các giao dịch mà doanh nghiệp tiến hành thuộc hoạt động tài chính như lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán, chi phí cho vay và chi phí đi vay, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán... Chi phí hoạt động tài chính tăng, giảm qua các năm nhưng vẫn duy trì ở mức thấp so với doanh thu (từ 2,7% tới 5%) và có xu hướng giảm tỷ trọng so với doanh thu.

❖ *Chi phí khác*

Chi phí khác là chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động xảy ra không thường xuyên ngoài các hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính. Thuộc chi phí khác bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định,



tiền phạt do vi phạm hợp đồng,... Khoản mục chi phí này chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu cũng như chi phí của toàn doanh nghiệp và không có sự tăng giảm đột ngột. So với doanh thu thì tỷ trọng chi phí khác chiếm nhiều hơn cả chi phí bán hàng. Đây là điều mà Công ty cần xem xét lại để giảm bớt các chi phí khác không cần thiết, từ đó làm giảm bớt tổng chi phí và nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

Bảng 5: Chi phí sản xuất theo yếu tố

CHỈ TIÊU	2006		2007		2008	
	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>Tỷ trọng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ trọng</i>	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>Tỷ trọng</i>
Chi phí nguyên vật liệu	22,323,101,774	72,8%	26,382,844,194	73,4 %	40,844,201,659	78,8%
Chi phí nhân công	1,179,779,300	3,8%	1,718,134,240	4,8 %	2,396,445,757	4,6%
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,879,771,200	9,4%	3,103,769,650	8,6 %	3,270,108,518	6,3%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,269,993,105	14%	4,714,917,517	13,2%	5,332,420,412	10,3%
Chi phí bằng tiền khác						
Tổng	30,652,645,379		35,919,665,601		51,843,176,346	

(Nguồn: Báo cáo tài chính-Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh)

Chi phí nguyên vật liệu là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí của Công ty, đồng thời cũng là yếu tố biến động nhiều nhất trong giai đoạn 2006-2008. Chi phí nguyên vật liệu luôn ở mức cao (từ 72,8% tới 78,8%) so với tổng chi phí. Chi phí nguyên vật liệu năm 2008 tăng 54,8% so với năm 2007 và tăng 83% so với năm 2006. Tốc độ tăng của yếu tố chi phí này còn nhanh hơn nhiều so với tốc độ tăng của doanh thu (doanh thu năm 2008 tăng 45% so với năm 2007 và tăng 74,4% so với năm 2006).

Tình hình lạm phát trong năm 2008 khiến giá nhân công tăng, lãi suất ngân hàng tăng cao trong năm 2008 (21%/năm so với mức 10,5%/năm) làm gia tăng chi phí nhân công. Mặt khác, số lao động của Công ty năm 2008 là 112 người, tăng so với năm 2007 (104 người) cũng là một nguyên nhân làm tăng chi phí nhân công. Chi phí này chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí của Công ty nên sự thay đổi của yếu tố này không gây ảnh hưởng lớn tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Ngoài chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công còn có chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài. Các khoản mục chi phí còn lại đều chiếm tỷ trọng nhỏ so với tổng chi phí.



– Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Chiếm tới trên 70% tổng chi phí, giá cả nguyên vật liệu là yếu tố tác động lớn nhất đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu chính trong hoạt động sản xuất của Công ty là xăng dầu. Đây là nguyên vật liệu có biên độ biến động giá rất lớn. Đặc biệt trong năm 2008, biến động của giá cả nguyên vật liệu này là yếu tố chính làm giảm tỷ suất lợi nhuận doanh thu của Công ty so với 2 năm trước.

7.1.3 Các tài sản quan trọng của công ty

Hiện nay công ty đang sử dụng hai khu đất, khu đất tại số 2, đường Ngô Gia Tự có diện tích 6.774,30 m² làm văn phòng công ty (đất thuê có thời hạn) và khu đất tại thị trấn Gia Bình có diện tích 2.490 m² được sử dụng làm bến đỗ xe (đất giao).

Ngoài ra, công ty còn có các tài sản quan trọng khác như: đội xe, nhà cửa, vật kiến trúc....

7.1.4 Các thuận lợi và khó khăn cơ bản

❖ Thuận lợi

Công ty được ngân sách tỉnh trợ giá trong hoạt động khai thác các tuyến xe Buýt nội tỉnh, giúp công ty giải quyết được việc làm cho CBCNV, người lao động yên tâm công tác hơn.

Đội ngũ CBCNV công ty chủ yếu là lực lượng lao động trực tiếp có nhiều năm kinh nghiệm gắn bó với công ty và thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường nên đã góp phần quan trọng để công ty tồn tại và phát triển trong những năm vừa qua.

Từ năm 2005 theo yêu cầu vận tải, công ty đầu tư mua mới xe buýt chất lượng tốt nên đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ phục vụ hành khách đảm bảo an toàn, hoạt động có hiệu quả.

❖ Khó khăn

Giá cả vật tư phụ tùng, nhiên liệu và giá cả sinh hoạt tăng cao. Đặc biệt là giá xăng dầu tăng đột biến (trong năm 2008) đã gây nên nhiều khó khăn cho công ty làm cho các tuyến vận tải hành khách cố định bị lỗ. Các tuyến xe buýt phải thường xuyên đề nghị tỉnh tăng mức trợ giá mới duy trì hoạt động được.

Sự cạnh tranh gay gắt trong vận tải hành khách công cộng do công ty quản lý và tiêu cực xã hội còn nhiều, ý thức chấp hành luật lệ giao thông của nhân dân còn hạn chế dẫn đến nguy cơ tai nạn tăng cao. Đây là những khó khăn lớn làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm vừa qua.

**7.2 Tình hình tài chính****7.2.1 Tài sản và nguồn vốn của Doanh nghiệp****Bảng 6: Tổng hợp tình hình tài sản nguồn vốn giai đoạn 2006-6/2009**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	2006	2007	2008	6/2009
A	Tài sản ngắn hạn	2.798.258.141	2.707.353.843	3.476.694.328	2.440.327.155
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.729.781.062	1.802.423.945	2.721.633.770	628.749.865
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	693.032.338	278.059.644	328.382.967	1041.640956
IV	Hàng tồn kho	298.891.174	513.684.687	383.287.291	700.424.034
V	Tài sản ngắn hạn khác	76.553.567	114.185.567	43.390.300	69.512.300
B	Tài sản dài hạn	19.814.153.563	19.514.163.160	19.186.171.542	18.442.201.602
I	Các khoản phải thu dài hạn				
II	Tài sản cố định	19.814.153.563	19.514.163.160	19.186.171.542	18.442.201.602
TỔNG TÀI SẢN		22.612.411.704	22.222.517.003	22.662.865.870	20.882.528.757
A	Nợ phải trả	20.271.860.150	19.411.570.275	19.728.925.944	18.090.719.166
I	Nợ ngắn hạn	8.677.882.350	11.577.092.475	12.780.835.944	10.787.719.166
II	Nợ dài hạn	11.593.977.800	7.834.477.800	6.948.090.000	7.303.000.000
B	Vốn chủ sở hữu	2.340.551.554	2.810.946.728	2.933.939.926	2.791.809.591
I	Vốn chủ sở hữu	2.322.610.653	2.584.481.511	2.630.189.009	2.577.809.874
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	17.940.901	226.465.217	303.750.917	213.918.717
TỔNG NGUỒN VỐN		22.612.411.704	22.222.517.003	22.662.865.870	20.882.528.757

(Nguồn: Báo cáo tài chính – Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh)

Tổng tài sản của Công ty ổn định qua các năm, tốc độ tăng trưởng khoảng 2%/năm. Trong đó, tài sản dài hạn chiếm một tỷ trọng lớn, năm 2008 tỷ lệ này là 84,66%; năm 2007 tỷ lệ này là 87,81% và năm 2006 tỷ lệ này là 87,6 %.



7.2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Doanh nghiệp

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2006-6/2009

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	2006	2007	2008	6/2009
I	Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán					
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	32%	23,4%	27%	22,62%
2	Khả năng thanh toán hiện hành	(Tài sản lưu động-HTK)/Nợ ngắn hạn	28,8%	19%	24%	16,13%
3	Khả năng thanh toán nhanh	Tiền mặt/Nợ ngắn hạn	20%	15,5%	21,3%	5,83%
II	Chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn					
1	Hệ số nợ	Nợ phải trả/Tổng Tài sản	38,4%	52%	56,4%	86,63%
2	Cơ cấu vốn	Nợ phải trả/Tổng VCSH	3,7	4,1	4,35	6,48
3	Tỷ lệ tài trợ bằng VCSH	Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản	10,3%	12,6%	13%	13,37%
III	Chỉ tiêu phản ánh khả năng hoạt động					
1	Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	105	80	107	35,23
2	Vòng quay vốn lưu động	Phải thu/Vốn lưu động bình quân	0,33	0,1	0,1	0,35
3	Hiệu suất sử dụng Tổng tài sản	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,3	1,58	2,25	0,99
IV	Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời					
1	Tỷ suất lợi nhuận doanh thu	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,48%	0,37%	0,31%	0,35%
2	ROA	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,62%	0,59%	0,7%	0,34%
3	ROE	Lợi nhuận sau thuế/Tổng vốn chủ sở hữu	6%	4,7%	5,4%	2,56%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Xe khách Bắc Ninh)

Các chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty đều ở mức thấp. Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán ngắn hạn đều ở mức xấp xỉ nhau, điều đó chứng tỏ hàng tồn kho của doanh nghiệp là không nhiều. Nhưng điểm đáng quan tâm ở đây là khả năng thanh toán nhanh của Công ty ở mức khá thấp, điều này sẽ ảnh



hưởng tới việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, tiền mặt tại Công ty không đủ để đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn trả. Tình trạng này kéo dài là dấu hiệu của rủi ro tài chính. Trong thời gian tới, Công ty cần phải cân đối lại các khoản vay ngắn hạn để đảm bảo khả năng trả nợ các khoản nợ trong ngắn hạn của Công ty.

Hệ số nợ cho biết khả năng thanh toán của toàn bộ giá trị tài sản với nợ phải trả. Năm 2006 hệ số nợ của doanh nghiệp ở mức thấp, điều đó làm tăng tính tự chủ trong hoạt động tài chính, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển. Trong năm 2007, 2008, chỉ tiêu này tăng lên cao, doanh nghiệp không đủ tài sản để thanh toán các khoản nợ phải trả.

Vòng quay hàng tồn kho giảm đột ngột năm 2007 và lại tăng đột ngột năm 2008. Vòng quay hàng tồn kho cao chứng tỏ vốn đầu tư hàng tồn kho vận động tốt. Đó là nhân tố để tăng doanh thu và nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Hiệu suất sử dụng tài sản đang có xu hướng tăng chứng tỏ các tài sản vận động nhanh, góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Tỷ suất lợi nhuận doanh thu trong giai đoạn 2006-2008 của công ty giảm dần, nguyên nhân chính của sự sụt giảm này là do tốc độ tăng trưởng của doanh thu không theo kịp tốc độ tăng của chi phí. Sự gia tăng trong chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chủ yếu là xăng dầu đã đẩy chi phí sản xuất kinh doanh năm 2008 tăng cao, trong khi việc điều chỉnh giá lại gặp rất nhiều khó khăn và mất thời gian. Thêm vào đó, khủng hoảng tài chính trong năm 2008 khiến các ngân hàng duy trì chính sách thắt chặt tín dụng, làm chi phí lãi vay tăng đột biến và giảm khả năng sinh lời của Công ty.



8 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

8.1 Định hướng phát triển

Công ty đã đưa ra kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm 2009-2011. Kế hoạch này được đưa ra trên cơ sở loại trừ các đột biến về sản xuất kinh doanh của năm 2008 (ví dụ như giá bán xăng dầu năm 2008 tăng rất cao) nên mang tính khả thi cao và còn có khả năng vượt kế hoạch đề ra.

Bảng 8: Kế hoạch kinh doanh 2009-2011

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010	2011
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1.978	1.978	1.978
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	45.500	47.700	49.900
3	Lợi nhuận chịu thuế	Triệu đồng	170	180	190
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	200	220	240
5	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người /tháng	2	2,2	2,3
6	Mức chi trả cổ tức	%	5	5	5

(Nguồn: Công ty cổ phần xe khách Bắc Ninh)

8.2 Kế hoạch kinh doanh chi tiết năm 2009

Trên cơ sở định hướng phát triển chung của công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm 2009-2011, công ty lập kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm 2009 như sau:

Bảng 9: Kế hoạch kinh doanh chi tiết 2009

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số lao động là	người	125	
2	Tổng số đầu xe	xe	56	
3	Xe buýt		36	
4	Xe tuyến		20 xe	
5	Sản lượng vận chuyển	lượt người.	2.700.000	
	- Xe tuyến	lượt người	75.000 lượt người	
	- Xe buýt	lượt người	2.625.000 lượt người	
6	Sản lượng luân chuyển	người.km	80.500.000	
	- Xe tuyến	người.km	16.000.000	
	- Xe buýt	người.km	64.500.000	
7	Tổng doanh thu	triệu đồng	45.500	
8	Doanh thu vận tải	triệu đồng	15.800	
9	Doanh thu dịch vụ xăng dầu	triệu đồng	29.700	
10	Sản lượng xăng dầu	Lít	2.700.000	
11	Lãi kinh doanh	triệu đồng	170	
12	Thu nhập bình quân	triệu đồng/người. tháng	2	
13	Cổ tức	%	5	



8.3 Biện pháp thực hiện

8.3.1 Về nguồn vốn

Căn cứ vào mục tiêu đầu tư mua phương tiện và xây dựng cơ bản trong nhiệm kỳ 2009-2012 cần phải có số vốn khoảng 20 tỷ đồng. Để đáp ứng với yêu cầu đó, công ty sẽ sử dụng kết hợp linh hoạt nhiều nguồn vốn: vốn tự có của công ty, vốn huy động trong CBCNV, vốn liên doanh liên kết, vốn cổ đông tăng thêm, vốn vay ngân hàng...

8.3.2 Về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh

Tiếp tục sắp xếp bộ máy quản lý điều hành, bố trí hợp lý lao động để tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Giữ vững luồng tuyến xe Tuyến, xe Buýt và mở thêm tuyến mới, mở rộng liên doanh liên kết với các chủ xe bên ngoài để tăng thu nhập cho công ty.

Tăng cường hơn nữa công tác quản lý phương tiện, lao động, chống thất thu trên các tuyến xe Buýt, nâng cao chất lượng phục vụ hành khách để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra, đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

9 CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

9.1 Rủi ro biến động kinh tế

Kinh tế Việt Nam được đánh giá là nền kinh tế năng động, có tốc độ tăng trưởng nhanh. Đặc biệt trong giai đoạn 2005-2007, Việt Nam đã duy trì được tốc độ tăng trưởng khoảng 8%/năm. Năm 2008-2009, thế giới đã rơi vào cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất trong vòng 70 năm, nền kinh tế Việt Nam cũng bị ảnh hưởng rất lớn. Tốc độ tăng trưởng GDP giảm mạnh, đã tác động tiêu cực tới các ngành, đặc biệt là ngành vận tải. Ngoài ra giá xăng dầu biến động nhanh và mạnh cũng tạo ra nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp ngành vận tải.

9.2 Rủi ro pháp luật

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra hệ thống luật pháp chưa đồng bộ, quá trình thực thi chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi theo hướng bất lợi cho Công ty có thể xảy ra và ảnh hưởng không tốt đến giá cổ phiếu của Công ty.



9.3 Rủi ro về cạnh tranh

Ngành vận tải là ngành có rào cản gia nhập thấp. Do vậy, rủi ro về cạnh tranh đối với Công ty là khá lớn. Đặc biệt là tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, cạnh tranh trên cơ sở vi phạm pháp luật, đặc biệt là các quy định về an toàn giao thông đường bộ.

9.4 Rủi ro của đợt bán đấu giá cổ phần

Trải qua một giai đoạn dài đi xuống do chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những điều chỉnh mới, tuy nhiên, tâm lý của nhà đầu tư chưa thực sự ổn định, họ vẫn chờ đợi những dấu hiệu lạc quan hơn của nền kinh tế. Cổ phiếu của các công ty có thể có nhiều tiềm năng, tuy nhiên vẫn chưa thu hút được sự chú ý của nhiều nhà đầu tư, nhất là những nhà đầu tư ngại rủi ro. Do vậy, việc thực hiện bán đấu giá phần vốn nhà nước nắm giữ tại Công ty vào thời điểm này sẽ gặp một số khó khăn nhất định. Nếu cổ phiếu chào bán thực sự hấp dẫn nhà đầu tư, thì những rủi ro này là không đáng kể, nhưng nếu cổ phiếu chưa thực sự hấp dẫn nhà đầu tư, thì khả năng không bán hết số cổ phần nhà nước nắm giữ là rất có thể xảy ra.

9.5 Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.